

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2015/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2015

THÔNG TƯ**Quy định trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu
và thẻ công chức kiểm dịch thực vật***Căn cứ Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13;**Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật;**Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư Quy định trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu và thẻ kiểm dịch thực vật.***Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về trang phục, phù hiệu, biển hiệu, thẻ công chức kiểm dịch thực vật và chế độ cấp phát, sử dụng.

2. Thông tư này quy định áp dụng đối với công chức làm công tác kiểm dịch thực vật có chức danh theo tiêu chuẩn và lãnh đạo kiêm nhiệm các chức danh đó.

Điều 2. Mục đích sử dụng

1. Kiểm dịch thực vật hiệu được in trên một số loại giấy tờ, biểu mẫu, phương tiện công tác chuyên dùng, vật lưu niệm và các biểu trưng khác của ngành.

2. Phù hiệu kiểm dịch thực vật được gắn trên mũ kêpi, mũ mềm và đeo trên ve cổ áo trang phục kiểm dịch thực vật.

3. Cấp hiệu kiểm dịch thực vật được gắn trên vai áo trang phục kiểm dịch thực vật để phân biệt chức vụ của lãnh đạo cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền các cấp và ngạch bậc của công chức kiểm dịch thực vật.

4. Biểu hiệu kiểm dịch thực vật được đeo ở ngực trái trang phục kiểm dịch thực vật.

5. Thẻ công chức kiểm dịch thực vật do Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật cấp để sử dụng và xuất trình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của công chức kiểm dịch thực vật.

6. Trang phục kiểm dịch thực vật gồm: quần, áo (xuân - hè, thu - đông), mũ kêpi, mũ mềm, cà vạt, giày, áo đi mưa, cặp đựng tài liệu, áo ấm và một số trang phục khác quy định tại Điều 1 của Thông tư này được công chức kiểm dịch thực vật sử dụng trong khi thi hành công vụ.

Điều 3. Kinh phí

Kinh phí may sắm trang phục được trích từ nguồn kinh phí hàng năm của đơn vị.

Chương II

TRANG PHỤC KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Điều 4. Quần áo đồng phục

1. Quần, áo xuân - hè: Quần màu xanh tím than sẫm, kiểu quần âu; áo màu trắng, kiểu bu-dông (blouson) cổ bẻ, cộc tay hoặc dài tay.

2. Quần, áo thu - đông: Quần áo màu xanh tím than sẫm. Quần kiểu quần âu; áo kiểu áo vét có hai ve, cổ áo phần trên to, hai thân 4 túi có nắp, một hàng khuy cùng màu với màu quần áo (kiểu K-82 của lực lượng vũ trang, sau đây viết tắt là K-82).

3. Áo mặc trong áo thu - đông là áo sơ mi màu trắng, dài tay, cổ đứng.

4. Áo chống rét màu xanh tím than sẫm, kiểu măng tô san, cổ hai ve to để đeo phù hiệu; có 02 túi chéo, chìm ở bên hông, một hàng khuy.

5. Riêng đối với nữ có thể thay thế quần bằng zúp màu xanh tím than sẫm, dài quá gối.

Điều 5. Cà vạt

Cà vạt kiểu mẫu thông thường, màu xanh tím than sẫm.

Điều 6. Mũ

1. Mũ kêpi: Lưỡi trai màu đen, vành đai màu xanh lá cây, thân và vỏ mũ màu xanh tím than sẫm.

2. Mũ mềm: Màu xanh tím than sẫm, kiểu mũ mềm của lực lượng vũ trang.

Điều 7. Giày, dép

1. Giày da màu đen, thấp cổ, đế cao vừa phải dùng cho cả xuân - hè, thu - đông.

2. Dép có quai hậu màu đen, đế cao vừa phải dùng cho trang phục xuân - hè.

Điều 8. Cặp đựng tài liệu

Cặp đựng tài liệu màu đen, có nắp.

Điều 9. Trang phục khác

Trang phục khác bao gồm ủng cao su, găng tay, quần áo bảo hộ lao động, áo blu (blouse) trắng, áo đi mưa, thắt lưng, khẩu trang... được cấp phát theo quy định.

Chương III**KIỂM DỊCH THỰC VẬT HIỆU, PHÙ HIỆU
VÀ CÁP HIỆU KIỂM DỊCH THỰC VẬT**

Điều 10. Kiểm dịch thực vật hiệu (hình 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này)

Kiểm dịch thực vật hiệu có hình tròn nền màu đỏ tươi. Chính giữa hình tròn có một bông lúa màu vàng, phần gốc của bông lúa ở về phía đáy hình tròn và ngọn chạy dài tới mép phía trên của hình tròn, 1 con rấn màu trắng bạc quấn lấy bông lúa. Phía sau bông lúa và con rấn có 1 hình cánh én nằm thẳng góc với trục bông lúa và có màu xanh lơ nhạt. Phía dưới hình cánh én là một mỏ neo màu đen, cán mỏ neo ẩn sau bông lúa và con rấn, 2 móc neo chia ra 2 bên phần gốc bông lúa. Phía dưới mỏ neo và gốc bông lúa, phần đáy hình tròn có một phần bánh xe răng cưa màu xanh đậm. Dưới đáy bánh xe là hình mặt phẳng viền vàng, nền màu xanh lá cây bên trong có chữ KDTV (viết tắt của kiểm dịch thực vật) màu đen.

Điều 11. Phù hiệu kiểm dịch thực vật

1. Phù hiệu gắn trên mũ kêpi (hình 2 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này) gồm hai phần. Phần bên trong là toàn bộ phần kiểm dịch thực vật hiệu được làm bằng kim loại, đường kính 35 mm. Phần bên ngoài là hai cành lá màu vàng bằng kim loại được gắn liền và ôm lấy hình tròn bên trong.

2. Phù hiệu gắn trên mũ mềm là kiểm dịch thực vật hiệu đeo ở mũ kêpi, có đường kính 30 mm nhưng không có hình hai cành lá màu vàng ôm phía ngoài.

3. Phù hiệu đeo ở ve cổ áo (hình 4a và 4b, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này): có hình bình hành, góc nhọn là 45° , góc tù là 135° , dài 55 mm, cao 30 mm, nền màu xanh tím than (hình 4a) hoặc nền màu đỏ đậm (hình 4b). Chính giữa là một phần của kiểm dịch thực vật hiệu (hình 3 Phụ lục I) gồm một bông lúa màu vàng và một con rấn màu trắng bạc quấn từ gốc lên đến ngọn bông lúa, đầu rấn quay ra phía ngoài của bông lúa. Phía sau bông lúa và con rấn có 1 hình cánh én nằm thẳng góc với trục bông lúa và có màu xanh lơ nhạt. Phía dưới hình cánh én là một mỏ neo màu đen, cán mỏ neo ẩn sau bông lúa và con rấn, 2 móc neo chia ra 2 bên phần gốc bông lúa.

Điều 12. Cấp hiệu kiểm dịch thực vật

1. Cấp hiệu kiểm dịch thực vật kiểu cơ bản (hình 7 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này) là một hình ngũ giác, viền xung quanh màu vàng sáng, một đầu bằng, đầu kia nhọn ở phía mút (cấu tạo bởi một hình thang đứng, đáy lớn 45 mm, đáy nhỏ 40 mm, cao 110 mm và một hình tam giác cân có đáy chung với đáy nhỏ của hình thang và chiều cao 10 mm). Ở phía đầu nhọn của cấp hiệu gắn cúc của cấp hiệu.

Cúc của cấp hiệu (hình 5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này) là một hình tròn bằng kim loại đường kính 14 mm, nền màu vàng sáng trên có một cụm lá (3 chiếc lá) màu xanh lá cây đậm, cuống lá chụm lại ở một phía còn ngọn lá xòe ra ở phía đối diện.

2. Sao năm cánh trên nền cấp hiệu (hình 6 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này) bằng kim loại, nền màu vàng sáng bóng, hình nổi; có kích thước 15 mm, chiều cao 5 mm. Sao được gắn thành hàng thẳng dọc và cách đều nhau ở giữa cấp hiệu thể hiện chức vụ lãnh đạo cơ quan kiểm dịch thực vật các cấp.

3. Gạch của cấp hiệu bằng lụa màu vàng sáng bóng có chiều dài 44 mm, chiều rộng 4 mm được gắn lên nền phía đáy lớn của cấp hiệu dùng để phân biệt các ngạch khác nhau của công chức chuyên môn, nghiệp vụ. Mỗi gạch cách nhau 2 mm.

Điều 13. Quy định cấp hiệu cho từng cấp

1. Công chức có chuyên môn, nghiệp vụ về kiểm dịch thực vật: Là cấp hiệu kiểu cơ bản, nền cấp hiệu màu xanh tím than đồng màu với nền phù hiệu đeo ở ve cổ áo.

2. Chuyên viên làm công tác kiểm dịch thực vật tại Cục Bảo vệ thực vật: là cấp hiệu kiểu cơ bản có nền màu đỏ đậm đồng màu với nền phù hiệu đeo ở ve cổ áo.

3. Quy định cho từng ngạch bậc

a) Ngạch kỹ thuật viên kiểm dịch thực vật (hình 8 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này): gắn 01 gạch hình chữ V;

b) Ngạch kiểm dịch viên thực vật (hình 9 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này): gắn 01 gạch ngang;

c) Ngạch kiểm dịch viên chính thực vật (hình 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này) gắn 02 gạch ngang;

d) Ngạch kiểm dịch viên cao cấp thực vật (hình 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này) gắn 03 gạch ngang;

đ) Ngạch chuyên viên (hình 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này) gắn 01 gạch ngang;

e) Ngạch chuyên viên chính (hình 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này) gắn 02 gạch ngang;

g) Ngạch chuyên viên cao cấp (hình 14 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này) gắn 03 gạch ngang.

4. Quy định cấp hiệu theo chức vụ

a) Cấp hiệu lãnh đạo Trạm Kiểm dịch thực vật của đơn vị kiểm dịch thực vật trực thuộc Cục Bảo vệ thực vật và tương đương: là cấp hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Cấp hiệu của cấp phó có gắn 01 ngôi sao (hình 15 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này);

Cấp hiệu của cấp trưởng có gắn 02 ngôi sao (hình 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Cấp hiệu lãnh đạo tại các đơn vị kiểm dịch thực vật trực thuộc Cục Bảo vệ thực vật và tương đương: là cấp hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Cấp hiệu của cấp phó có gắn 03 ngôi sao (hình 17 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này);

Cấp hiệu của cấp trưởng có gắn 04 ngôi sao (hình 18 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này);

c) Cấp hiệu lãnh đạo Phòng Kiểm dịch thực vật thuộc Cục Bảo vệ thực vật: là cấp hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều này:

Cấp hiệu của Phó Trưởng phòng có gắn 01 ngôi sao (hình 19 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này);

Cấp hiệu của Trưởng phòng có gắn 02 ngôi sao (hình 20 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này).

d) Cấp hiệu lãnh đạo Cục Bảo vệ thực vật: là cấp hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Cấp hiệu của Phó Cục trưởng có gắn 03 ngôi sao (hình 21 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này);

Cấp hiệu của Cục trưởng có gắn 04 ngôi sao (hình 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này).

Chương IV

BIỂN HIỆU VÀ THẺ CÔNG CHỨC KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Điều 14. Biển hiệu kiểm dịch thực vật

Biển hiệu kiểm dịch thực vật có hình chữ nhật bằng kim loại (hình 23 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này), có ghim cài, viền màu đỏ rộng 0,4 mm bên trong có chữ “Kiểm dịch thực vật Việt Nam - Plant quarantine service of Vietnam”